

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-PT
Ngày 16 - 01 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2018/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lâm Văn U, sinh năm 1976 (có mặt)

2. Bà Phạm Kim T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 88/4, đường T, Khóm 1, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Ở hiện nay: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Kim T: Ông Lâm Văn U, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: Số 88/4, đường T, Khóm 1, Phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Ở hiện nay: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp B1, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Lê Thị T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Văn U đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Kim T trình bày: Vào năm 2006 ông U và bà T có mở Cửa hàng vật tư nông nghiệp tại ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, kinh doanh mua bán vật tư nông nghiệp và thuốc bảo vệ thực vật. Từ tháng 3/2012, bà Lê Thị T1 đã nhiều lần mua phân bón và thuốc trừ sâu về sử dụng cho việc trồng lúa. Khi mua bán hai bên có ghi sổ tay nhỏ thể hiện mua loại hàng hóa gì, bao nhiêu tiền, trả được bao nhiêu và còn thiếu lại bao nhiêu và giao sổ cho bà T1 quản lý, cửa hàng có mở sổ riêng để theo dõi. Tính đến ngày 20/4/2015, bà T1 còn nợ tiền vốn chưa thanh toán là 22.726.000 đồng và bà T1 có ký giấy cam kết nhận nợ và hẹn đến tháng 12/2015 sẽ thanh toán và hoàn tiền lãi 3%/tháng, nhưng sau đó không thực hiện chỉ hứa hẹn, cụ thể hẹn cuối năm 2017 thanh toán nhưng không thanh toán.

Tại đơn khởi kiện ông U và bà T yêu cầu bà T1 thanh toán tiền nợ vốn 22.726.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/4/2015 đến ngày 06/6/2018, mức lãi 3%/tháng là 25.612.202 đồng; tại phiên tòa các nguyên đơn có yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà T1 thanh toán khoản tiền lãi 3%/tháng kể từ ngày 20/4/2015 đến ngày 06/6/2018, chỉ yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà T1 đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông U và bà T nhưng bà T1 không đến Tòa án làm việc nên không thể ghi nhận ý kiến mà căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 428, 438, 476 Bộ luật Dân sự 2005; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T đối với bà Lê Thị T1 về việc yêu cầu thanh toán cho ông Lâm Văn

U và bà Phạm Kim T số tiền mua vật tư nông nghiệp nợ vốn 22.726.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/4/2015 đến ngày khởi kiện 06/6/2018.

Buộc bà Lê Thị T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T số tiền tổng cộng vốn lãi là 29.083.598 đồng, (hai mươi chín triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm chín mươi tám đồng), trong đó tiền vốn là 22.726.000 đồng, tiền lãi là 6.375.598 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T đối với bà Lê Thị T1 về việc yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi 3%/tháng kể từ ngày 20/4/2015 đến ngày khởi kiện 06/6/2018.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T đối với bà Lê Thị T1 về việc yêu cầu bà Lê Thị T1 thanh toán cho ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T khoản tiền lãi 3%/tháng kể từ ngày 20/4/2015 đến ngày khởi kiện 06/6/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất, Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, bị đơn bà Lê Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án số 43/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, theo hướng chỉ buộc bà T1 trả 7.000.000 đồng tiền vốn mua vật tư nông nghiệp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Xét kháng cáo của bà Lê Thị T1 chỉ đồng ý trả 7.000.000 đồng tiền vốn mua vật tư nông nghiệp cho ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông U và bà T xác định từ tháng 3/2012 bà T1 đã nhiều lần mua vật tư nông nghiệp và thuốc trừ sâu của Cửa hàng Vật tư nông nghiệp V do ông U làm chủ, đến ngày 20/4/2015 thì bà T1 còn thiếu lại tiền vốn chưa thanh toán là 22.726.000 đồng. Khi giao dịch mua bán thì ông U, bà T với bà T1 có làm sổ tay ghi chú và đến khi bà T1 không trả tiền thì có ông U, bà T có lập “Giấy nhận nợ” ngày 20/4/2015 (bút lục số 03), bà T1 có ký tên vào giấy trên.

[2] Tại “Giấy nhận nợ” ngày 20/4/2015, có nội dung bà Lê Thị T1 chưa thanh toán tiền mua vật tư nông nghiệp cho cửa hàng với số tiền 22.726.000 đồng, cam kết đến tháng 12/2015 sẽ thanh toán đủ số tiền trên và kèm lãi suất 3%/tháng cho cửa hàng. Khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị T1, thông báo cho bà T1 về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, khi Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án thì bà T1 từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án vì bà cho rằng không có thiếu nợ số tiền như ông U khởi kiện mà chỉ thiếu có vài triệu. Do đó, có cơ sở xác định bà T1 chưa thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp cho ông U và bà T với số tiền nợ là 22.726.000 đồng theo lời trình bày của ông U và “Giấy nhận nợ” ngày 20/4/2015 do ông U cung cấp. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử buộc bà T1 trả cho ông U số tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 thừa nhận chữ ký “Thẩm” và chữ viết “Lê Thị T1” tại “Giấy nhận nợ” là do bà ký và viết nhưng khi ký thì bà không có xem nội dung; bà T1 xác định chỉ có nợ ông U 7.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối đó”*, tuy nhiên bà T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T1.

[3] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T1, có căn cứ chấp nhận đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Thị T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 428, 438, 476 Bộ luật Dân sự 2005; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T1, giữ nguyên Bản án dân sự số 43/2018/DS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T đối với bà Lê Thị T1 về việc yêu cầu thanh toán cho ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T số tiền mua vật tư nông nghiệp nợ vốn 22.726.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 20/4/2015 đến ngày khởi kiện 06/6/2018.

Buộc bà Lê Thị T1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T số tiền tổng cộng vốn và lãi là 29.083.598 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T đối với bà Lê Thị T1 về việc yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi 3%/tháng kể từ ngày 20/4/2015 đến ngày khởi kiện 06/6/2018.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T đối với bà Lê Thị T1 về việc yêu cầu bà Lê Thị T1 thanh toán cho ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T tiền lãi trên nợ gốc 22.726.000 đồng là 3%/tháng kể từ ngày 20/4/2015 đến ngày khởi kiện 06/6/2018.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Lê Thị T1 phải chịu 1.454.179 đồng. Ông Lâm Văn U và bà Phạm Kim T không phải chịu án phí, ông U và bà T đã nộp tạm ứng án phí 1.208.500 đồng theo Biên lai thu số 0009412 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được hoàn lại đủ.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm bà Lê Thị T1 chịu 300.000 đồng. Bà T1 đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0013252 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện V (01 bản);
- CCTHADS huyện V (01 bản);
- Các đương sự (03 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Lệ Kiều